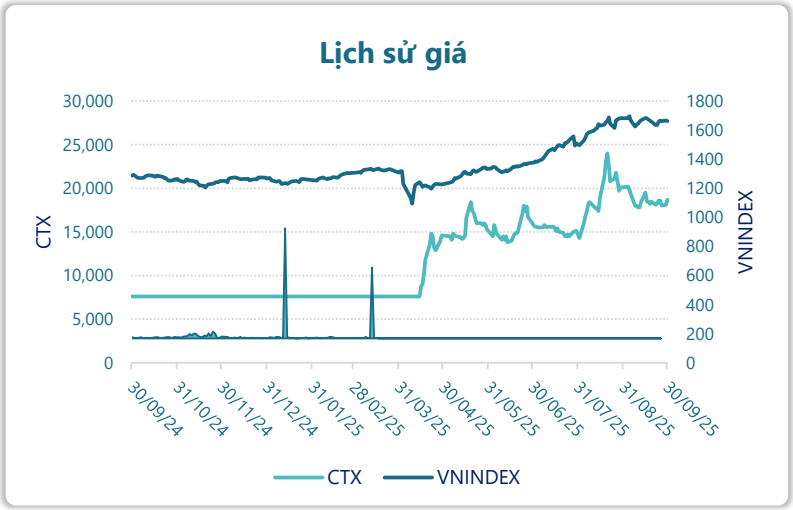
FireAnt

Tổng CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (UPCOM: CTX)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
SL cổ phiếu LH	78,907,276
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130,150
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,476
P/E	6.6
EPS	2,843

DT thuần

Q3/25

5,873

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5,831| 13884%

YoY: ▲ 5,835| 15520%

LN sau thuế

Q3/25

216

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 217| 14710%

YoY: ▲ 214| 9640%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.0%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

9T 2025

5,957

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5,850| 5472%

LN sau thuế

9T 2025

217

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 213| 5747%

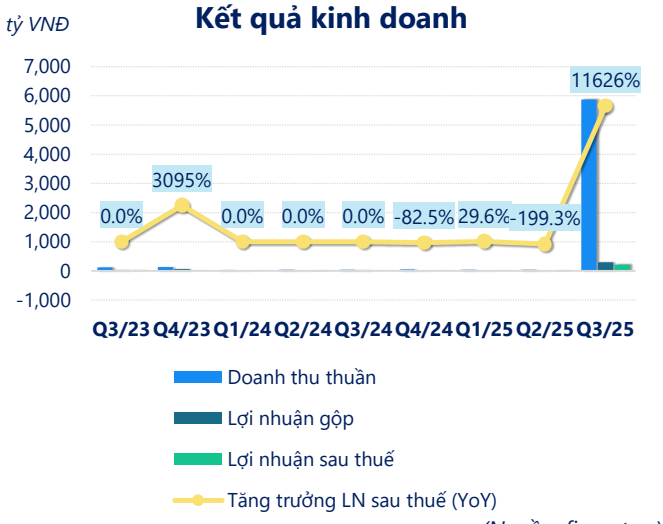
ROE

Q3/25

19.9%

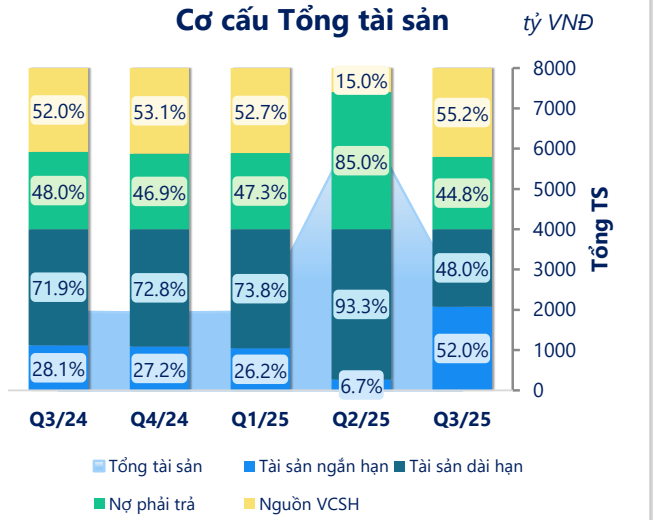
+/- YoY: ▲ 18.8%

Kết quả kinh doanh



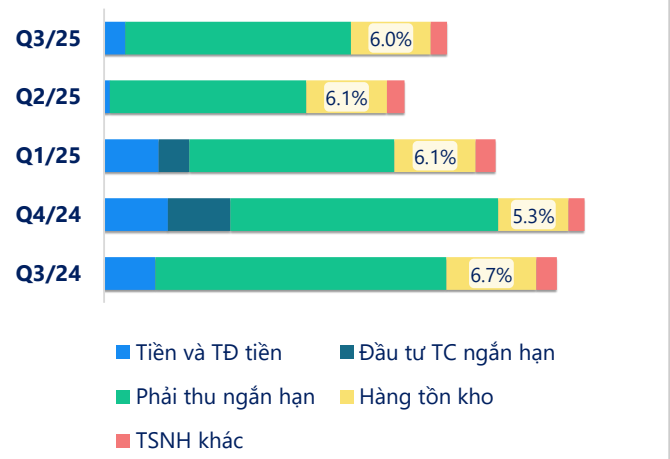
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



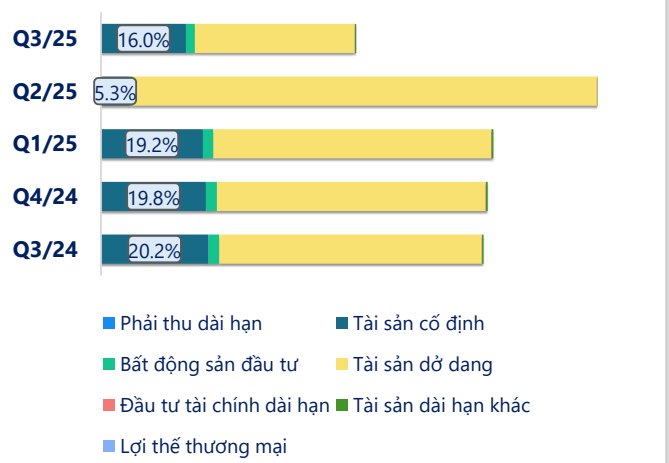
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



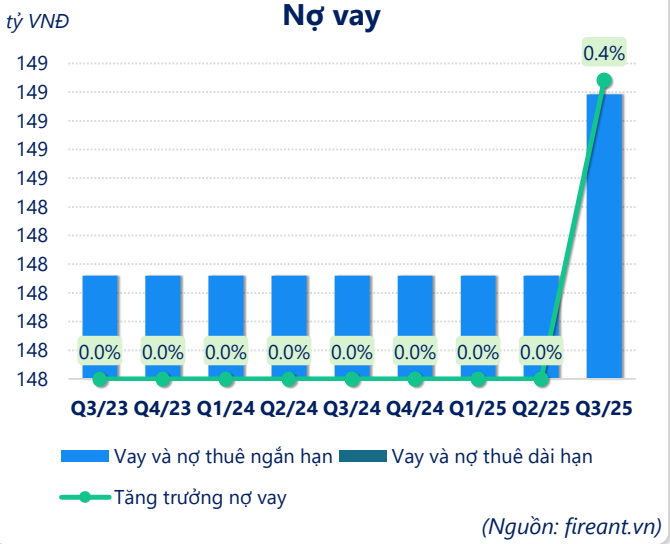
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



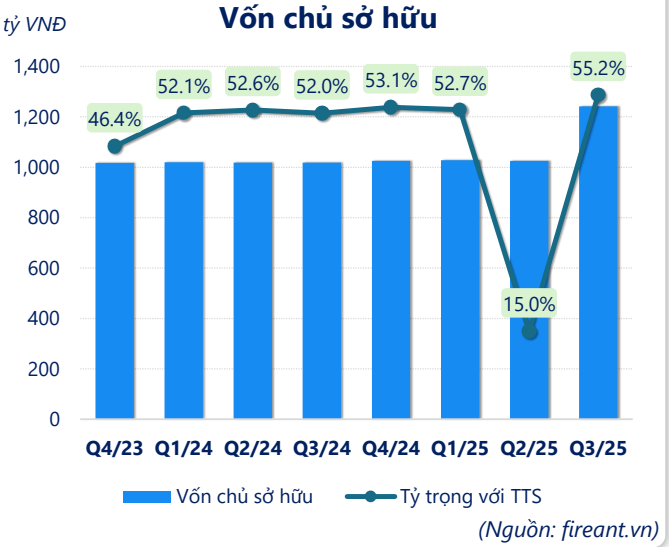
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



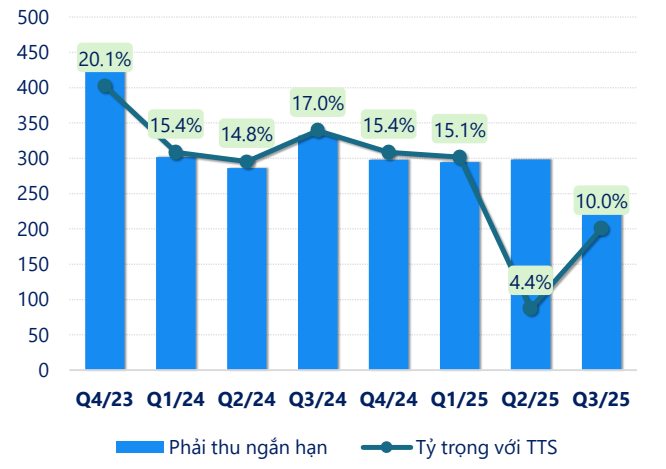
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



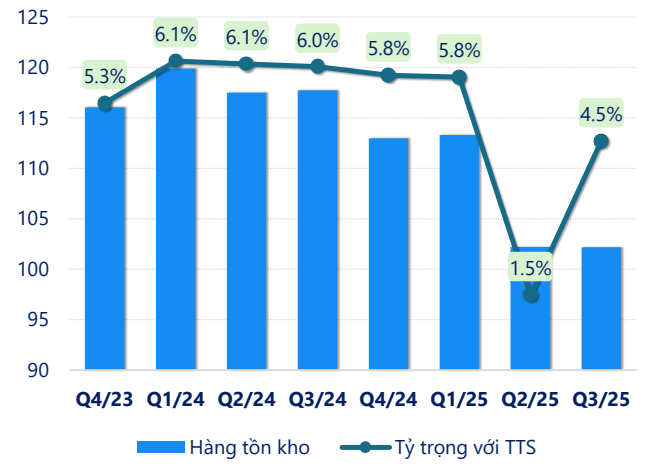
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



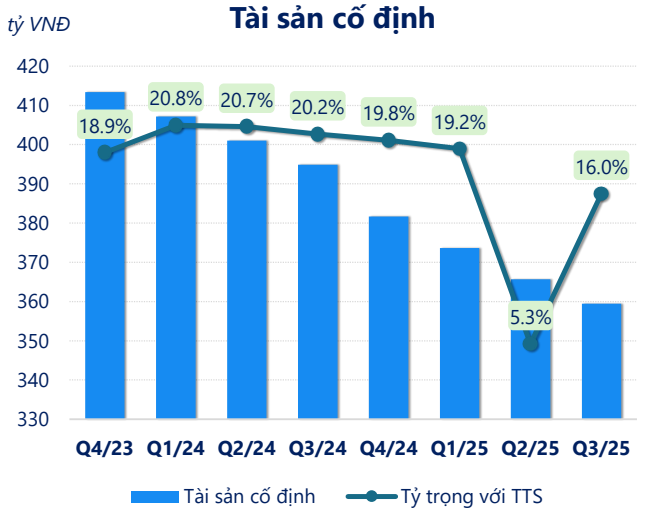
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



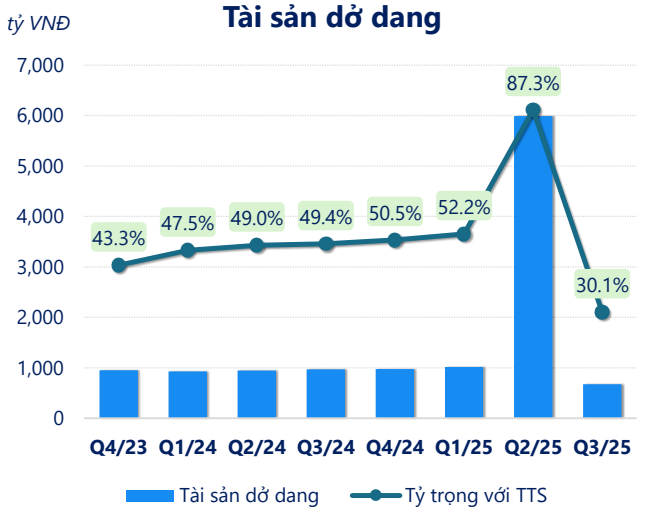
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



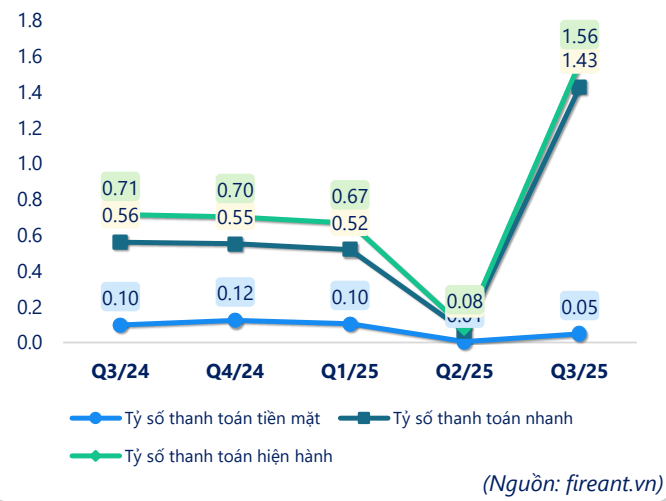
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



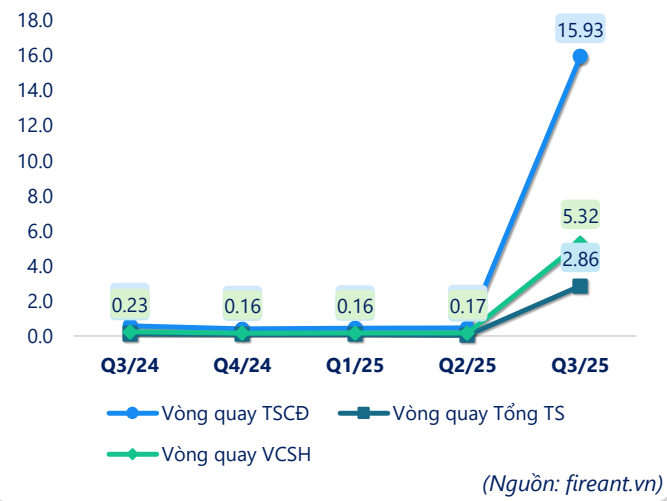
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,956**	**1,932**	**1,951**	**6,857**	**2,251**
Tài sản ngắn hạn	**549**	**526**	**511**	**457**	**1,170**
Tiền và tương đương tiền	75.2	92.7	80.1	29.2	35.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.13	0.13	0.16	785
Phải thu ngắn hạn	332	298	294	298	226
Hàng tồn kho	118	113	113	102	102
Tài sản ngắn hạn khác	24.0	22.9	23.4	27.3	21.4
Tài sản dài hạn	**1,408**	**1,406**	**1,440**	**6,400**	**1,080**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Tài sản cố định	395	382	374	366	359
Bất động sản đầu tư	40.3	39.8	39.2	38.6	38.0
Tài sản dở dang	966	976	1,019	5,990	677
Đầu tư tài chính dài hạn	1.14	1.32	1.32	1.34	1.34
Tài sản dài hạn khác	5.05	6.72	6.80	4.65	4.91
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**939**	**907**	**924**	**5,831**	**1,009**
Nợ ngắn hạn	**768**	**750**	**767**	**5,674**	**749**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	148	148	148	149
Phải trả người bán ngắn hạn	190	174	183	170	169
Nợ dài hạn	170	157	157	157	260
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,018**	**1,026**	**1,027**	**1,026**	**1,242**
Vốn chủ sở hữu	**1,018**	**1,026**	**1,027**	**1,026**	**1,242**
Vốn điều lệ	789	789	789	789	789
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)